

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (sau đây gọi tắt là “Báo cáo tài chính”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	Bầu ngày 27/03/2020

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành Viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/4/2020
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/4/2020
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Vinh.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/04/2020 là Ông Thái Tuấn Tài, trong giai đoạn từ ngày 22/04/2020 đến ngày 30/06/2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

Công ty là Văn phòng của Công ty và Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và 02 Chi nhánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty nên đọc Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính văn phòng đính kèm. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 được lập tại ngày 12/08/2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét và Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Vấn đề khác nêu trên không làm thay đổi kết luận soát xét đã trình bày.



Lương Ngõ Báo Trân

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.243.680.264	221.763.216.065
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	63.454.563.362	75.428.603.818
Tiền	111		38.454.563.362	23.428.603.818
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	52.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	220.790.000	220.790.000
Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.047.757.860	136.433.255.747
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	78.212.757.703	127.109.669.139
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.933.168.415	2.001.291.800
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		16.262.734.511	15.867.391.511
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.213.653.741	6.316.628.783
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.574.556.510)	(14.861.725.486)
Hàng tồn kho	140	10	14.818.671.719	9.550.280.157
Hàng tồn kho	141		14.818.671.719	9.550.280.157
Tài sản ngắn hạn khác	150		701.897.323	130.286.343
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	701.897.323	130.286.343
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.527.459.637	78.353.996.061
Các khoản phải thu dài hạn	210		54.004.719.396	36.399.470.659
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	40.522.848.222	23.274.599.485
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		12.998.871.174	12.998.871.174
Phải thu dài hạn khác	216	8	483.000.000	126.000.000
Tài sản cố định	220		19.823.949.856	20.601.862.426
Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.117.125.704	10.580.991.648
- Nguyên giá	222		28.750.860.377	28.202.082.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.633.734.673)	(17.621.091.329)
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.706.824.152	10.020.870.778
- Nguyên giá	228		18.171.158.391	17.625.236.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.464.334.239)	(7.604.365.613)
Tài sản dở dang dài hạn	240		353.134.687	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	353.134.687	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	19.678.855.750	18.985.855.750
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		19.930.855.750	19.930.855.750
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(252.000.000)	(945.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		3.666.799.948	2.366.807.226
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.666.799.948	2.366.807.226
TỔNG TÀI SẢN	270		274.771.139.901	300.117.212.126

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		173.181.526.304	193.307.310.364
Nợ ngắn hạn	310		173.181.526.304	193.307.310.364
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.203.185.356	2.244.101.553
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		57.207.454.321	39.122.581.639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.924.251.430	12.261.200.926
Phải trả người lao động	314		42.393.218.601	67.632.292.671
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	8.419.454.899	2.263.210.004
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		31.418.744.237	45.779.508.777
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.540.638.446	12.353.245.111
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	9.748.445.907	10.696.036.576
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.326.133.107	955.133.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.589.613.597	106.809.901.762
Vốn chủ sở hữu	410	20	101.589.613.597	106.809.901.762
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	82.760.800.000
Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.186.000.000	7.827.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.642.953.597	16.222.241.762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		88.684.476	4.097.510.435
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.554.269.121	12.124.731.327
TỔNG NGUỒN VỐN	440		274.771.139.901	300.117.212.126



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh		Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	140.722.809.227	112.752.062.614
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	417.692.017	476.307.447
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		140.305.117.210	112.275.755.167
Giá vốn hàng bán	11	24	108.852.958.600	84.648.532.884
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.452.158.610	27.627.222.283
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.520.105.632	1.261.829.762
Chi phí tài chính	22	26	(692.661.350)	(543.234.690)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	27	12.177.373.690	8.522.715.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	16.828.784.671	18.963.296.565
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.658.767.231	1.946.274.788
Thu nhập khác	31	28	243.000.000	127.000.000
Chi phí khác	32	29	99.439.175	120.000.100
Lợi nhuận khác	40		143.560.825	6.999.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.802.328.056	1.953.274.688
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.248.058.935	481.499.726
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.554.269.121	1.471.774.962



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.802.328.056	1.953.274.688
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.872.611.970	1.735.501.642
Các khoản dự phòng	03		(980.168.976)	1.006.727.703
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.365.898)	(83.020.741)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(3.491.082.207)	(1.085.963.635)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.196.322.945	3.526.519.657
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		22.611.727.540	30.796.752.398
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(5.268.391.562)	(1.148.476.649)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(19.248.576.847)	(47.689.769.873)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.871.603.702)	(558.095.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.923.642.141)	(2.944.220.661)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.119.000.000)	(1.830.510.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.619.163.767)	(19.847.800.379)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.282.975.525)	(437.680.334)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(258.423.750)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.589.494.707	1.077.746.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.306.519.182	386.142.884

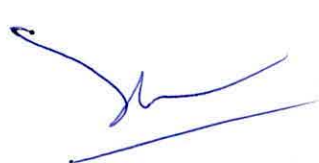
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		14.869.592.768	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.817.183.437)	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.721.171.100)	(3.843.770.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.668.761.769)	(3.843.770.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.981.406.354)	(23.305.428.345)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	75.428.603.818	77.150.204.884
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.365.898	69.851.512
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	63.454.563.362	53.914.628.051




Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020


Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan cọc bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)/.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đó, số lượng khách hàng phụ thuộc vào chất lượng và trình độ của các kỹ sư nhằm giúp tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
-Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư Vấn, khảo sát thiết kế
-Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư Vấn, khảo sát thiết kế

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và 02 Chi nhánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Công ty trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (đến 12 tháng hay trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-TC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.10 NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP An Bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Phần lớn hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	5.150.612	272.942.789
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.449.412.750	23.155.661.029
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	52.000.000.000
Cộng	63.454.563.362	75.428.603.818

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	959.319.900	-	220.790.000	1.012.195.800	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (1)	220.790.000	959.319.900	-	220.790.000	1.012.195.800	-
	Tại 30/06/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.930.855.750	19.678.855.750	(252.000.000)	19.930.855.750	18.985.855.750	(945.000.000)
- Đầu tư vào đơn vị khác	19.930.855.750	19.678.855.750	(252.000.000)	19.930.855.750	18.985.855.750	(945.000.000)
+ Đầu tư vào Công ty CP EVN Quốc Tế (2)	3.150.000.000	2.898.000.000	(252.000.000)	3.150.000.000	2.205.000.000	(945.000.000)
+ Đầu tư vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (3)	16.300.000.000	16.300.000.000	-	16.300.000.000	16.300.000.000	-
+ Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến Tre số 8 (4)	480.855.750	480.855.750	-	480.855.750	480.855.750	-

(1) Là khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng là 50.358 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30/06/2020.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu và tỷ lệ góp là 0,86% vốn điều lệ.

(3) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 30/06/2020, Công ty đã góp 16,3 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 163 tỷ đồng, tương đương 10%.

(4) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Điện gió Sunpro - Bến Tre số 8, theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 6/6/2018 với tổng vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 góp 2.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 10%, phần còn lại 90% là Sunpro Capital Group Limited. Công ty chưa thu thập được Biên bản xác nhận về số dư khoản đầu tư đã góp, cũng như Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 để xác định giá trị của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	78.212.757.703	127.109.669.139
- Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	17.672.312.175	27.917.447.401
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.239.075.449	15.098.553.050
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	9.392.185.062	10.191.898.008
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	7.638.718.096	5.439.104.002
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.339.996.967	3.423.920.444
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	2.462.287.572	16.561.649.447
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	7.718.580.971	8.537.490.337
- Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	-	1.130.302.320
- Công ty TNHH Điện Xêkhaman 1	2.300.450.894	2.600.450.894
- Công ty CP Đầu tư và LĐTĐ NM Thủy điện Đa Dâng	-	1.024.000.000
- Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	1.148.964.213	1.911.636.552
- BĐH DA TĐ Đồng Nai 5	1.106.277.000	1.280.541.000
- Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang	448.155.384	1.100.083.384
- Công ty TNHH Hải Linh	-	4.389.500.000
- Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	-	1.198.619.859
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.226.509.667	17.785.228.188
Phải thu của khách hàng dài hạn	40.522.848.222	23.274.599.485
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.711.252.110	3.050.343.604
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	7.458.533.570	6.673.222.408
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	4.712.865.856	2.714.122.615
- Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	8.537.490.337	-
- Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	266.096.098	-
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	2.238.426.545	1.499.881.268
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.748.428.980
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.797.940.481	6.344.236.365
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 33.1)	97.257.482.038	120.298.049.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.213.653.741	-	6.316.628.783	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.131.488.998	-	655.552.861	-
- Ký cược, ký quỹ	3.919.499.480	-	5.202.810.037	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	222.227.067	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	8.574.227	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	103.162.500	-	201.575.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	59.502.763	-	25.889.591	-
Dài hạn	483.000.000	-	126.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	483.000.000	-	126.000.000	-
Cộng	6.696.653.741	-	6.442.628.783	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 30/06/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể	Đã trích lập dự	Giá gốc	Giá trị có thể	Đã trích lập dự
	VND	thu hồi VND	phòng VND	VND	thu hồi VND	phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
+ Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.418.828.407	725.648.522	(1.693.179.885)	2.418.828.407	725.648.522	(1.693.179.885)
+ Sở Công Thương Cần Thơ	17.415.290	-	(17.415.290)	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
+ Công ty TNHH điện Xêkhaman 1	2.300.450.894	1.150.225.447	(1.150.225.447)	2.600.450.894	1.300.225.447	(1.300.225.447)
+ Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	448.155.384	-	(448.155.384)	1.100.083.384	296.378.400	(803.704.984)
+ Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	838.498.040	251.559.028	(586.939.012)	479.128.000	-	(479.128.000)
+ Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum	572.105.250	-	(572.105.250)	572.105.250	-	(572.105.250)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	859.670.614	(531.884.348)	570.104.962	285.052.481	(285.052.481)
+ Khác	6.946.464.859	2.472.228.811	(4.474.236.048)	9.155.689.402	4.527.775.809	(4.627.913.593)
Cộng	20.033.888.932	5.459.332.422	(14.574.556.510)	21.996.806.145	7.135.080.659	(14.861.725.486)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	141.227.719	-	106.894.209	-
Công cụ, dụng cụ	1.228.269	-	4.858.815	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.676.215.731	-	9.438.527.133	-
Cộng	14.818.671.719	-	9.550.280.157	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Ngắn hạn	701.897.323	130.286.343
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	139.783.324	82.228.160
- Chi phí phần mềm	562.113.999	48.058.183
Dài hạn	3.666.799.948	2.366.807.226
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.362.210.079	1.749.486.475
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	1.276.006.535	617.320.751
- Chi phí chờ phân bổ khác	28.583.333	-
Cộng	4.368.697.271	2.497.093.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2020	10.831.097.465	932.416.818	11.845.099.993	4.593.468.701	28.202.082.977
- Mua trong kỳ	-	-	-	548.777.400	548.777.400
Tại 30/06/2020	<u>10.831.097.465</u>	<u>932.416.818</u>	<u>11.845.099.993</u>	<u>5.142.246.101</u>	<u>28.750.860.377</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2020	(5.437.121.373)	(742.370.531)	(7.860.053.888)	(3.581.545.537)	(17.621.091.329)
- Khấu hao trong kỳ	(340.519.686)	(29.286.284)	(398.293.218)	(244.544.156)	(1.012.643.344)
Tại 30/06/2020	<u>(5.777.641.059)</u>	<u>(771.656.815)</u>	<u>(8.258.347.106)</u>	<u>(3.826.089.693)</u>	<u>(18.633.734.673)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	<u>5.393.976.092</u>	<u>190.046.287</u>	<u>3.985.046.105</u>	<u>1.011.923.164</u>	<u>10.580.991.648</u>
Tại 30/06/2020	<u>5.053.456.406</u>	<u>160.760.003</u>	<u>3.586.752.887</u>	<u>1.316.156.408</u>	<u>10.117.125.704</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 7.489.065.423 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2020	8.960.793.480	8.664.442.911	17.625.236.391
- Mua trong kỳ	-	545.922.000	545.922.000
Tại 30/06/2020	<u>8.960.793.480</u>	<u>9.210.364.911</u>	<u>18.171.158.391</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2020	(1.645.575.597)	(5.958.790.016)	(7.604.365.613)
- Khấu hao trong kỳ	(99.085.740)	(760.882.886)	(859.968.626)
Tại 30/06/2020	<u>(1.744.661.337)</u>	<u>(6.719.672.902)</u>	<u>(8.464.334.239)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	<u>7.315.217.883</u>	<u>2.705.652.895</u>	<u>10.020.870.778</u>
Tại 30/06/2020	<u>7.216.132.143</u>	<u>2.490.692.009</u>	<u>9.706.824.152</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 5.269.216.510 đồng.

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại quận 2 - Thửa đất số 143 theo Hợp đồng thế chấp số 36/2006/95234 ngày 15/12/2006 với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là 2.837.104.845 đồng nhằm bảo lãnh thanh toán cho các dự án.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	353.134.687	-
Hệ thống điện mặt trời mái nhà Chi nhánh Miền Trung	353.134.687	-
Cộng	<u>353.134.687</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6.203.185.356	6.203.185.356	2.244.101.553	2.244.101.553
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cholimex	1.830.159.979	1.830.159.979	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn TKXD Giao Thông Nam Bộ	1.740.442.200	1.740.442.200	-	-
- Công ty TNHH Solar Top	338.135.375	338.135.375	-	-
- Công ty TNHH TMDV Nam Việt	498.467.000	498.467.000	367.356.000	367.356.000
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	372.621.768	372.621.768	384.319.234	384.319.234
- Cty CP Thiết kế - Tư vấn XD Cần Thơ	164.203.373	164.203.373	164.203.373	164.203.373
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	139.814.500	139.814.500	139.814.500	139.814.500
- Công ty CP Tư vấn XD thủy lợi - thủy điện Sơn Việt	153.000.000	153.000.000	136.000.000	136.000.000
- Viện Thủy Công	-	-	185.368.235	185.368.235
- Phải trả nhà cung cấp khác	966.341.161	966.341.161	867.040.211	867.040.211
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 33.1)	372.621.768	372.621.768	384.319.234	384.319.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	7.927.730.091	6.147.270.027	11.233.400.225	2.841.599.893
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.320.295	1.248.058.935	2.923.642.141	936.737.089
- Thuế thu nhập cá nhân	1.721.150.540	7.461.625.847	9.036.861.939	145.914.448
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.601.584	3.601.584	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	170.911.077	170.911.077	-
Cộng	12.261.200.926	15.031.467.470	23.368.416.966	3.924.251.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.419.454.899	2.263.210.004
- Trích chi phí cho các dự án, công trình	8.419.454.899	2.263.210.004
b) Dài hạn	-	-
Cộng	8.419.454.899	2.263.210.004

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.540.638.446	12.353.245.111
- Kinh phí công đoàn	289.199.580	87.809.880
- Bảo hiểm xã hội	239.335.747	-
- Bảo hiểm y tế	178.392.922	93.899.431
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.405.445	-
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	872.285.775	662.177.675
- Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	143.429.936	124.082.937
- Tạm ứng	-	-
- Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN của CBCNV	6.615.032.817	7.219.194.839
- Chi phí công trình phải trả	2.933.953.788	3.883.977.913
- Phải trả thuế TNCN dự án TĐ Xekaman 1	147.602.436	147.602.436
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.000.000	134.500.000
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	11.540.638.446	12.353.245.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2020		Trong kỳ		Tại 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	9.748.445.907	9.748.445.907	14.869.592.768	15.817.183.437	10.696.036.576	10.696.036.576
- Vay cán bộ công nhân viên các phòng ban	9.748.445.907	9.748.445.907	14.869.592.768	15.817.183.437	10.696.036.576	10.696.036.576
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
	9.748.445.907	9.748.445.907	14.869.592.768	15.817.183.437	10.696.036.576	10.696.036.576

Đây là khoản Công ty đã vay lại lương khoán đã duyệt chi của năm 2019 cho các phòng ban Công ty theo các Biên bản quyết toán đã ký với các đơn vị sản xuất. Công ty và các phòng ban Công ty đã ký các Biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương khoán năm 2019 còn phải trả với lãi suất cho vay là 0% và thời hạn trả vay đến ngày 31 tháng 03 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	48,78%	40.371.340.000	48,78%	40.371.340.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	0,00%	-	7,80%	6.453.490.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	4,98%	4.123.000.000	0,00%	-
Ông Trần Quốc Điền	0,00%	-	6,13%	5.072.290.000
Cổ đông khác	46,24%	38.266.320.000	37,29%	30.863.540.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	140.000	0,00%	140.000
Cộng	100%	82.760.800.000	100%	82.760.800.000

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.760.800.000	82.760.800.000
+ Vốn góp đầu năm	82.760.800.000	82.760.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.931.279.200	8.276.066.000

20.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2020 Cổ phiếu	Tại 01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.276.080	8.276.080
+ Cổ phiếu phổ thông	8.276.080	8.276.080
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
+ Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
+ Cổ phiếu phổ thông	8.276.066	8.276.066
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2019	82.760.800.000	-	(140.000)	3.490.000.000	18.656.576.435	104.907.236.435
- Lãi trong năm	-	-	-	-	11.802.730.630	11.802.730.630
- Chuyển lợi nhuận từ Chi nhánh Miền Trung về Văn phòng Công ty	-	-	-	-	322.000.697	322.000.697
- Cổ tức đã công bố năm 2018	-	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2018	-	-	-	4.337.000.000	(4.337.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2018	-	-	-	-	(1.946.000.000)	(1.946.000.000)
Tại 31/12/2019	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	16.222.241.762	106.809.901.762
Tại 01/01/2020	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	16.222.241.762	106.809.901.762
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.554.269.121	5.554.269.121
- Chuyển lợi nhuận lũy kế từ Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện về Văn phòng Công ty	-	-	-	-	1.642.721.914	1.642.721.914
- Cổ tức đã công bố năm 2019 (*)	-	-	-	-	(9.931.279.200)	(9.931.279.200)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2019 (*)	-	-	-	5.359.000.000	(5.359.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2019 (*)	-	-	-	-	(2.486.000.000)	(2.486.000.000)
Tại 30/06/2020	82.760.800.000	-	(140.000)	13.186.000.000	5.642.953.597	101.589.613.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty thực hiện trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%.

20.5 CÁC QUỸ

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.186.000.000	7.827.000.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.064.212,02	713.661,65
- Đồng Euro (EUR)	3.422,18	4.072,18

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
a) Doanh thu	140.722.809.227	112.752.062.614
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	140.722.809.227	112.752.062.614
b) Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 33.1)	91.460.149.456	84.229.835.030

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	417.692.017	476.307.447
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	417.692.017	476.307.447

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	108.852.958.600	84.648.532.884
Cộng	108.852.958.600	84.648.532.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.046.082.207	1.085.541.482
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.445.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	21.657.527	93.267.539
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	7.365.898	83.020.741
Cộng	3.520.105.632	1.261.829.762

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	338.650	22.056.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	1.708.700
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(693.000.000)	(567.000.000)
Cộng	(692.661.350)	(543.234.690)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	16.828.784.671	18.963.296.565
- Chi phí nhân viên quản lý	6.819.316.424	4.018.396.608
- Chi phí vật liệu quản lý	509.362.907	515.366.424
- Chi phí đồ dùng văn phòng	787.755.143	575.484.147
- Chi phí khấu hao TSCĐ	684.149.582	601.451.460
- Thuế, phí và lệ phí	3.601.584	3.601.584
- Hoàn nhập dự phòng	(287.168.976)	-
- Chi phí dự phòng	-	1.573.727.703
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.758.660.899	7.000.099.212
- Chi phí bằng tiền khác	2.553.107.108	4.675.169.427
b. Các khoản chi phí bán hàng	12.177.373.690	8.522.715.382
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	2.819.573.343	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	104.287.148	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.757.438.922	8.519.315.382
- Chi phí bán hàng khác	1.496.074.277	3.400.000
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(287.168.976)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	-	4.500.000
Thu từ tiền cho thuê nhà	122.500.000	122.500.000
Thu nhập từ tiền cho thuê xe	120.000.000	-
Thu nhập khác	500.000	-
Cộng	243.000.000	127.000.000

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	99.439.175	-
Chi tài trợ giáo dục	-	120.000.100
Cộng	99.439.175	120.000.100

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Văn phòng	6.802.328.056	1.953.274.688
Lợi nhuận Chi nhánh Miền Trung chuyển về Văn phòng Công ty	21.418.062	9.436.890
Lợi nhuận Xí Nghiệp Khảo Sát và Xây Dựng Điện	1.840.914.458	382.807.791
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	28.000.000	145.000.000
- Thù lao Hội đồng quản trị	28.000.000	145.000.000
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(2.452.365.898)	(83.020.741)
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(2.445.000.000)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	(7.365.898)	(83.020.741)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	6.240.294.677	2.407.498.628
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.248.058.935	481.499.726
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.248.058.935	481.499.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.690.851.644	1.390.042.477
Chi phí nhân công	53.022.588.735	39.224.626.526
Khấu hao tài sản cố định	1.872.611.970	1.735.501.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.505.310.203	56.440.820.761
Chi phí bằng tiền khác	22.005.443.007	14.579.295.552
Cộng	143.096.805.559	113.370.286.958

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Phần lớn hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách, toàn bộ phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu với các bên liên quan	91.460.149.456	84.229.835.030
- Ban QLDA các CTĐ miền Nam	31.132.114.613	11.969.303.850
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	16.311.918.734	-
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	8.115.534.974	7.037.787.163
- Ban QLDA các CTĐ miền Trung	10.055.929.539	875.894.690
- Ban QLDA các CTĐ miền Bắc	7.330.075.513	1.411.051.315
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.101.045.451	-
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam -Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	1.476.172.302	29.753.943.173
- Ban QLDA Lưới điện TPHCM	1.003.211.284	507.787.917
- Ban QLDA nhiệt điện 3	845.995.000	-
- Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung	702.686.607	-
- Công ty CP Đầu tư Điện lực 3	596.353.804	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	439.701.355	16.108.196.182
- Tổng Công ty Phát điện 3 -CTCP	422.614.308	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu với các bên liên quan (tiếp)		
- Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	306.363.636	573.636.364
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	9.567.701.373	8.170.269.045
- Công ty Điện lực Sài Gòn	12.200.532	11.369.952
- Ban QLDA lưới điện miền Trung	(126.318.477)	1.363.742.021
- Công ty CP Thủy Điện Đa Nhim-Hàm Thuận- Đa Mi	-	2.994.274.118
- Công ty Truyền tải điện 4	-	1.696.341.444
- Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực VN	-	462.669.309
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sê San 3A	-	728.848.945
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện lực TPHCM	-	76.457.814
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3 - CN Miền Trung	-	246.452.344
- Truyền tải điện Bình Thuận	8.923.500	-
- Công ty điện lực Thừa Thiên Huế	35.282.389	-
- Truyền tải điện Gia Lai	170.443.611	-
- Công ty truyền tải điện 3	952.199.408	241.809.384
Mua hàng với các bên liên quan	37.172.533.634	23.817.552.940
- Điện lực Sài Gòn	211.967.821	213.699.319
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	115.458.731	845.003.672
- Công ty CP Tư vấn XD điện 1	1.130.389.000	-
- Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện - CN Công ty CP tư vấn Xây dựng điện 3	27.672.796.625	18.278.946.912
- Công ty CP tư vấn Xây dựng điện 3 - Chi nhánh Miền Trung	8.041.921.457	4.479.903.037
Trả cổ tức	4.844.560.800	3.843.770.850
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.844.560.800	3.843.770.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc	3.327.275.901	2.459.005.851
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	3.327.275.901	2.459.005.851

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Các khoản phải thu		
<i>Phải thu khách hàng</i>	97.257.482.038	120.298.049.867
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	25.383.564.285	30.967.791.005
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.697.609.019	21.771.775.458
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	14.105.050.918	12.906.020.623
- Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH	8.736.299.721	5.439.104.002
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	298.293.280	298.293.280
- Ban QLDA nhiệt điện 3	1.017.895.482	529.346.697
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	442.184.830	2.468.457.671
- Công ty Thủy điện Trị An	-	1.017.830.000
- Ban QLDA điện nông thôn miền Trung - PC 3	946.782.180	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	136.374.202	1.077.391.126
- Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
- Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	1.062.760.020	725.760.020
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
- Trung tâm Điều độ HTĐ Quốc Gia - Ao	349.392.144	349.392.144
- Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	781.844.201	1.027.982.330
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	2.462.287.572	16.836.649.447
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.748.428.980
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	16.256.071.308	8.537.490.337
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3)		
- Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
- Công ty thủy điện Đại Ninh		
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	88.833.631	88.833.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
- Công ty DV Điện lực Miền Trung	214.537.379	353.487.704
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	249.000.000	-
- BĐH DA TĐ Đồng Nai 5 - Tổng Công ty Sông Đà	1.106.277.000	1.280.541.000
- Ban Quản lý dự án Điện 3	245.384.334	2.406.934.660
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	5.578.423.512	4.923.801.712
- Công ty thủy điện Đại Ninh	1.508.930.502	1.508.930.502
Các khoản phải trả		
Phải trả người bán	372.621.768	384.319.234
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	372.621.768	384.319.234
Người mua trả tiền trước	41.839.066.852	33.345.690.734
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	-	413.065.000
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.494.085.673	12.772.809.551
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	7.619.566.714	3.055.267.728
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	8.338.379.096	9.929.726.206
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtvTTĐ4	190.445.250	190.445.250
- Ban QLDA nhiệt điện 3	693.493.614	524.454.975
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.797.303.714	1.392.358.714
- Ban QLDA điện nông thôn miền Trung - PC 3	618.000.000	618.000.000
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	1.204.763.085	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.592.555.628	2.359.745.640
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	244.729.545	244.729.545
- Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	92.161.685	92.161.685
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	1.181.802.826	691.500.000
- Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	139.680.000	139.680.000
- Ban QLDA Lưới điện miền Nam	3.067.632.000	-
- Ban QLDA Phát Triển Điện Lực	210.000.000	210.000.000
- Ban Quản lý dự án Điện 3	75.000.000	75.000.000
- Ban Quản lý dự án Điện 2	1.154.928.582	512.207.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

33.3 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 69/HĐTN-QLKDU-KD ngày 20/3/2020 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM. Thời hạn thuê từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020, cụ thể như sau:

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	2.361.818.181	4.145.454.545

33.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

33.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét.



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

Số : **2780** /TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 8 năm 2020

V/v giải trình kết quả kinh doanh 6
tháng đầu năm 2020.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại điểm 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 trên báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên củ Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 đã soát xét so cùng kỳ năm trước và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 thay đổi trước và sau soát xét như sau:

1. So sánh kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 đã soát xét và cùng kỳ năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2019	6 tháng năm 2020	Chênh lệch	So sánh (%)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e=d-c</i>	<i>f=e:c</i>
I	Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên				
1	Doanh thu (Gồm DT thuần, DT tài chính, DT khác)	113.664.584.929	144.068.222.842	30.403.637.913	26,75%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.471.774.962	5.554.269.121	4.082.494.159	277,39%
II	Báo cáo tài chính tổng hợp				
1	Doanh thu (Gồm DT thuần, DT tài chính, DT khác)	113.301.945.598	146.676.929.305	33.374.983.707	29,46%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.864.019.643	7.416.601.641	5.552.581.998	297,88%

Lợi nhuận sau thuế của báo cáo soát xét Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2020 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do doanh thu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

2. So sánh kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 trước và sau soát xét:

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2020 trước soát xét	6 tháng năm 2020 sau soát xét	Chênh lệch	So sánh (%)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e=d-c</i>	<i>f=e:c</i>
I	Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên				
1	Lợi nhuận sau thuế	5.104.196.433	5.554.269.121	450.072.688	8,82%
II	Báo cáo tài chính tổng hợp				
1	Lợi nhuận sau thuế	6.935.308.171	7.416.601.641	481.293.470	6,94%

Lợi nhuận sau thuế tăng sau 8,82% sau khi soát xét của Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và tăng 6,94% sau soát xét của Báo cáo tài chính tổng hợp chủ yếu là do giảm chi phí quản lý (chi phí thuê văn phòng của Xí nghiệp phụ thuộc bị tính 2 lần).

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo soát xét báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp của 6 tháng đầu năm 2020./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Như Hoàng Tuấn